TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 153/2019/HNGĐ-ST
Ngày 21 tháng 6 năm 2019
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hợp

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Quốc

2. Bà Nguyễn Kim Lên

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Hường – Thư ký tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Trong ngày 21 tháng 6 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 250/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2019, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 143/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 128/2019/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Vũ Thị L** – sinh năm 1990. Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau; Chỗ ở: Khóm 4, thị t, huyện T, tỉnh Cà Mau

Bị đơn: Anh **Nguyễn Đức Q** – sinh năm 1984. Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau; Chỗ ở: Khóm 4, thị t, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Tại phiên tòa, chị L, anh Q vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/4/2019 chị Vũ Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Q sống chung năm năm 2009, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức hôn lễ, có đăng ký kết hôn tại tại Ủy ban nhân dân xã Phong Điền năm 2014 theo quy định pháp luật, hiện tại vợ chồng đã ly thân nhau. Xét thấy cuộc sống chung không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn thường xuyên xảy ra và không hàn gắn được nên chị yêu cầu ly hôn với anh Q.

Về con chung: Có hai người con chung là cháu Nguyễn Minh H, sinh ngày 18/01/2010 và cháu Nguyễn Hoàng E, sinh ngày 02/8/2017, hiện các cháu đang sống với chị. Chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung: Chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn Nguyễn Đức Q đúng theo quy định pháp luật nhưng anh Q không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Bị đơn anh Nguyễn Đức Q có nơi cư trú tại ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau, hiện đang ở khóm 4, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị Vũ Thị L khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Đức Q, yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị L là người khởi kiện, anh Q là người bị kiện nên xác định tư cách đương sự chị L là nguyên đơn, anh Q là bị đơn theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh Q đã được tòa án triệu tập xét xử hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ theo Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Tòa án xét xử vắng mặt anh chị L, anh Q theo quy định của pháp luật.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị L và anh Q tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phong Điền, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau vào ngày 30/7/2014 đúng theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh chị được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, gia đình hai bên có hàn gắn nhưng không thành, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị L xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh Q và thể hiện sự quyết tâm mong muốn được ly hôn với anh Q. Trường hợp nếu cho các bên tiếp tục chung sống sẽ không mang lại hạnh phúc, do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị L được ly hôn với anh Q.

[3] Về con chung: Chị L và anh Q có hai người con chung là cháu Nguyễn Minh H, sinh ngày 18/01/2010 và cháu Nguyễn Hoàng E, sinh ngày 02/8/2017, hiện các cháu đang sống với chị L, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các cháu. Tòa án tiến hành ghi nhận ý kiến của cháu Minh Hoàng, cháu có nguyên vọng được sống với chị L, đối với cháu Hoàng E hiện cháu còn quá nhỏ và đang ở chung với chị L, chị là người trực tiếp chăm sóc cho các cháu từ khi sinh ra đến nay, việc tạo điều kiện cho hai cháu được ở chung nhau sẽ đảm bảo sự phát triển bình thường về tâm lý của các cháu, cũng như việc giao các cháu cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là để đảm bảo cuộc sống ổn định vốn có của các cháu lâu nay. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Minh H và cháu Hoàng E cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của các cháu và đúng với quy định của pháp luật.

[4] Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Xét thấy, việc cấp dưỡng cho con là nghĩa vụ của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình. Về mức cấp dưỡng, theo quy định tại Điều 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình và hướng dẫn tại khoản 2, mục III của Công văn số 24/1999/KHXX ngày 17/3/1999 của Tòa án nhân dân tối cao thì mức cấp dưỡng tối thiểu không dưới 1/2 mức lương cơ sở do nhà nước quy định tại thời điểm xét xử đối với 01 người con, mức lương cơ sở hiện nay là 1.390.000 đồng, do đó anh Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai cháu Minh Hoàng và Hoàng Em với số tiền 695.000 đồng/tháng đối với mỗi cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi là có cơ sở. Thời điểm cấp dưỡng được tính kể từ ngày 21/6/2019.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L xác định không có, không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí:* Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình, anh Q phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 và khoản 3 Điều 68, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 9, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử*:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị L về việc yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Đức Q.

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu của chị Vũ Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Đức Q.

2. *Về con chung*: Giao hai cháu Nguyễn Minh H, sinh ngày 18/01/2010 và Nguyễn Hoàng E, sinh ngày 02/8/2017 cho chị Vũ Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Đức Q không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng: Buộc anh Nguyễn Đức Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Minh H, sinh ngày 18/01/2010 và cháu Nguyễn Hoàng E, sinh ngày 02/8/2017 với số tiền 695.000 đồng/tháng đối với mỗi cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng được tính kể từ ngày 21/6/2019.

4. *Về án phí:* Chị Vũ Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình, chị có nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002981 ngày 17 tháng 4 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được chuyển thu, chị Vũ Thị L không phải nộp tiếp. Anh Nguyễn Đức Q phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Án xử công khai, chị Vũ Thị L, anh Nguyễn Đức Q được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời;
- UBND xã Phong Điền;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Văn Hợp